

BỘ TÀI CHÍNH  
Số: 78/1997/TT-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 4 tháng 11 năm 1997

## THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thực hiện những ưu đãi về thuế và tài chính đối với Hợp tác xã theo quy định tại Nghị định 15/CP và Nghị định 16/CP của Chính phủ**

Căn cứ vào pháp luật về thuế và tài chính hiện hành;

Căn cứ Nghị định số 15/CP về "Chính sách khuyến khích phát triển Hợp tác xã" và Nghị định số 16/CP về "Chuyển đổi, đăng ký Hợp tác xã và tổ chức hoạt động của Liên hiệp Hợp tác xã" của Chính phủ ngày 21 tháng 2 năm 1997;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 4166/KTN của Văn phòng Chính phủ ngày 20 tháng 8 năm 1997 về việc hướng dẫn thi hành Nghị định 15/CP và 16/CP của Chính phủ cụ thể hoá thi hành Luật Hợp tác xã.

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ ưu đãi về thuế và tài chính đối với Hợp tác xã liên quan đến việc thực hiện các quy định trên như sau:

### I. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ÁP DỤNG

#### 1. Đối tượng áp dụng:

Đối tượng được hưởng ưu đãi về thuế và tài chính áp dụng tại Thông tư này là: Các Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã và Quỹ tín dụng nhân dân (dưới đây gọi chung là Hợp tác xã) mới thành lập được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật Hợp tác xã.

#### 2. Phạm vi áp dụng:

Những quy định về ưu đãi thuế và tài chính tại Thông tư này áp dụng đối với Hợp tác xã thuộc đối tượng quy định tại điểm 1, mục I này có hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc mọi ngành nghề, như: sản xuất, xây dựng, vận tải, thương nghiệp, dịch vụ, và các hoạt động kinh doanh khác.

3. Chế độ ưu đãi về thuế và tài chính hướng dẫn tại Thông tư này không áp dụng đối với các Hợp tác xã đã đăng ký và hoạt động trước ngày Luật Hợp tác xã được ban hành và có hiệu lực thi hành nay thực hiện chuyển đổi và đăng ký kinh doanh lại theo quy định của Luật Hợp tác xã và Nghị định số 16/CP ngày 21-2-1997 của Chính phủ về "chuyển đổi, đăng ký Hợp tác xã và tổ chức hoạt động của Liên hiệp Hợp tác xã".

## **II. NHỮNG ƯU ĐÃI VỀ THUẾ**

Các Hợp tác xã phải chấp hành nghiêm chỉnh chế độ về đăng ký, kê khai, thu, nộp các loại thuế và phí theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, dưới đây là hướng dẫn những ưu đãi về thuế đối với Hợp tác xã:

### **1. Về thuế doanh thu và thuế lợi tức.**

Các Hợp tác xã mới thành lập được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật Hợp tác xã được coi là cơ sở mới thành lập và được hưởng ưu đãi về thuế theo quy định đối với cơ sở mới thành lập, như sau:

a. Hợp tác xã hoạt động sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, thủy sản, làm muối...) thì không phải nộp thuế doanh thu, thuế lợi tức;

Những Hợp tác xã ở nông thôn có những hoạt động dịch vụ phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, làm muối như: tưới tiêu nước, làm đất, bảo quan hàng hoá, vật nuôi, cây trồng, bảo vệ thực vật, sản xuất và sửa chữa công cụ làm muối... thì không phải nộp thuế doanh thu và được miễn thuế lợi tức 2 năm (24 tháng) đầu kể từ khi có lợi tức từ những hoạt động đó. Những hoạt động dịch vụ phục vụ cho các đối tượng khác, không phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp thì không được ưu đãi về thuế quy định tại điểm này.

b. Những Hợp tác xã mới thành lập hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc ngành sản xuất tiểu thủ công nghiệp, thủ công nghiệp (quy định tại Mục I Biểu thuế doanh thu ban hành kèm theo Nghị định 96/CP ngày 27-12-1995) thì được:

- Giảm 50% thuế doanh thu trong thời gian 1 năm (12 tháng) kể từ tháng có doanh thu; những Hợp tác xã còn gặp nhiều khó khăn, năm tiếp sau năm được giảm thuế nếu phát sinh lỗ được giảm thuế doanh thu trong một thời gian tiếp theo, số thuế doanh thu được xét giảm tương

ứng với số lỗ nhưng tối đa không quá 50% số thuế doanh thu phải nộp và tổng số thời gian được xét giảm thuế doanh thu không quá 2 năm (24 tháng); riêng Hợp tác xã sản xuất mới thành lập ở miền núi, hải đảo thì tổng số thời gian được xét giảm thuế doanh thu không quá 3 năm (36 tháng), kể từ tháng giảm thuế đầu tiên.

- Miễn thuế lợi tức 2 năm (24 tháng) đầu kể từ khi có lợi tức và được giảm 50% số thuế lợi tức phải nộp trong 2 năm (24 tháng) tiếp theo; riêng Hợp tác xã sản xuất mới thành lập ở miền núi, hải đảo thì thời gian giảm thuế được kéo dài thêm 2 năm nữa.

c. Đối với Hợp tác xã đánh bắt thủy sản xa bờ thành lập và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật Hợp tác xã từ ngày 06-3-1997 đến ngày 28-5-1997 được miễn thuế doanh thu 2 năm (24 tháng) kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật Hợp tác xã và được miễn thuế lợi tức 2 năm (24 tháng) đầu kể từ khi có lợi tức.

Hợp tác xã đánh bắt thủy sản xa bờ được thành lập và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật Hợp tác xã từ ngày 29-5-1997 trở đi, được hưởng những ưu đãi về thuế theo quy định tại Quyết định số 358/TTg ngày 29-5-1997 của Thủ tướng Chính phủ về ưu đãi thuế đối với hoạt động khai thác khoáng sản ở vùng biển xa bờ và các văn bản hướng dẫn Quyết định này của Bộ Tài chính.

d. Hợp tác xã bốc xếp thô sơ được giảm thuế doanh thu 2 năm (24 tháng) kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật Hợp tác xã và được miễn thuế lợi tức 2 năm (24 tháng) đầu kể từ khi có lợi tức.

đ. Hợp tác xã hoạt động sản xuất kinh doanh ở miền núi cao, hải đảo và ở các vùng có khó khăn khác theo quy định của Chính phủ, được miễn thuế doanh thu 2 năm (24 tháng) kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật Hợp tác xã và được miễn thuế lợi tức 2 năm (24 tháng) đầu kể từ khi có lợi tức.

## 2. Về thuế môn bài

Các cơ sở kinh doanh hạch toán phụ thuộc, trực thuộc Hợp tác xã, hộ và cá nhân kinh doanh khi là xã viên Hợp tác xã nhận nhiệm vụ của Hợp tác xã giao thì không phải trực tiếp nộp thuế môn bài mà Hợp tác xã có trách nhiệm nộp thay thuế môn bài. Mức thuế môn bài thực hiện theo đúng quy định pháp luật về thuế môn bài áp dụng đối với từng loại đối tượng.

## 3. Về lệ phí trước bạ

Tư liệu sản xuất của xã viên khi góp vốn vào Hợp tác xã và vốn cổ phần của xã viên, khi làm thủ tục chuyển cho xã viên khác sử dụng trong Hợp tác xã không phải nộp lệ phí trước bạ.

#### 4. Về tiền thuê đất, tiền sử dụng đất.

- a. Các Hợp tác xã được Nhà nước giao đất để sử dụng vào sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối thì không phải trả tiền sử dụng đất;
- b. Hợp tác xã ở nông thôn miền núi, hải đảo làm nhiệm vụ cung cấp dịch vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối nếu phải thuê đất của Nhà nước để làm trụ sở, làm xưởng sản xuất thì được miễn nộp tiền thuê đất trong thời gian 5 năm (60 tháng) đầu kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật Hợp tác xã;
- c. Các Hợp tác xã khác (không phải đối tượng quy định tại điểm a, điểm b mục này) đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật Hợp tác xã mà thuộc đối tượng thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì được giảm 50% tiền thuê đất trong thời hạn 2 năm (24 tháng) đầu kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật Hợp tác xã.

#### 5. ưu đãi về tài chính khác.

Ngoài việc được vay vốn kinh doanh (bao gồm cả vay trung và dài hạn) của hệ thống Ngân hàng Thương mại theo điều kiện và lãi suất của Ngân hàng, các Hợp tác xã còn được vay vốn từ các chương trình kinh tế xã hội, Quỹ quốc gia giải quyết việc làm, Quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia và các Quỹ đầu tư phát triển khác của Nhà nước theo quy định của Chính phủ, được tiếp nhận và thực hiện các dự án đầu tư từ các nguồn vốn, khoản viện trợ của các nước, tổ chức quốc tế khi Hợp tác xã bảo đảm đủ điều kiện theo quy định của Nhà nước.

### III. THỦ TỤC, TRÌNH TỰ VÀ THẨM QUYỀN XÉT MIỄN, GIẢM THUẾ

Để có căn cứ xác định đúng đối tượng và số thuế được miễn giảm theo quy định, các Hợp tác xã phải có đủ những điều kiện sau đây mới được miễn, giảm thuế theo hướng dẫn tại Thông tư này:

Hoạt động đúng đăng ký kinh doanh;

Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về sử dụng chứng từ mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ do Bộ Tài chính quy định về chế độ kế toán, thống kê, đăng ký nộp thuế và kê khai nộp

thuế đầy đủ theo pháp luật hiện hành.

#### 1. Xét miễn, giảm thuế doanh thu, thuế lợi tức.

##### a. Thủ tục, hồ sơ xét miễn, giảm thuế:

Hồ sơ xin miễn, giảm thuế doanh thu, thuế lợi tức của Hợp tác xã phải gửi đến cơ quan thuế quản lý, bao gồm:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật Hợp tác xã ngày 20-3-1996, xác định rõ ngành nghề, mặt hàng sản xuất, kinh doanh;

Giấy đăng ký kê khai nộp thuế và có xác nhận của cơ quan thuế.

##### b. Thẩm quyền xét miễn, giảm thuế:

Chi cục trưởng Chi cục thuế được xét miễn, giảm thuế doanh thu, thuế lợi tức cho các Hợp tác xã theo quy định tại Thông tư này sau khi báo cáo Cục trưởng Cục thuế cấp trên trực tiếp xem xét phê duyệt.

#### 2. Xét miễn, giảm tiền thuê đất.

Hồ sơ xin miễn, giảm tiền thuê đất của Hợp tác xã phải gửi đến cơ quan thuế quản lý, bao gồm:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật Hợp tác xã ngày 20-3-1996, xác định rõ ngành nghề, mặt hàng sản xuất, kinh doanh;

Giấy đăng ký kê khai nộp thuế và có xác nhận của cơ quan thuế.

Cục trưởng Cục thuế được xét và quyết định miễn, giảm tiền thuê đất đối với Hợp tác xã theo quy định tại Thông tư này.

#### 3. Xét miễn, giảm lệ phí trước bạ.

Hồ sơ xin miễn, giảm lệ phí trước bạ của Hợp tác xã phải gửi đến Cơ quan quản lý thu lệ phí trước bạ của địa phương nơi Hợp tác xã đóng trụ sở, gồm:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật Hợp tác xã ngày 20-3-1996, xác định rõ ngành nghề, mặt hàng sản xuất, kinh doanh;

Giấy tờ có liên quan về tài sản theo yêu cầu khi đăng ký nộp lệ phí trước bạ.

Thủ trưởng Cơ quan quản lý thu lệ phí trước bạ có thẩm quyền quyết định miễn, giảm lệ phí trước bạ đối với các tài sản Hợp tác xã theo quy định tại Thông tư này.

#### 4. Trình tự thủ tục xét miễn, giảm thuế.